

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26/9/2024.
V/v: Yêu cầu không công nhận
vợ chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Ngọc Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Lan.

Ông Ngô Văn Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hòa Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Nguyên – Kiểm sát viên.

Ngày 26/9/2024, tại phòng xử án - Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 224/2024/TLST-HNGĐ ngày 18/6/2024 về việc: “*Yêu cầu không công nhận vợ chồng*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2024/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 59/2024/QĐST-DS ngày 08/9/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Dương Đình C, sinh năm 1970.

Nơi thường trú: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1973.

Nơi thường trú: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Dương Đình C trình bày:**

Tôi và bà Nguyễn Thị V chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tôi và bà V chung sống với nhau đến năm 2008 thì bà V bỏ nhà đi đến nay không rõ tung tích. Năm 2023, tôi đã làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc tuyên bố bà Nguyễn Thị V mất tích. Ngày 27/3/2024 Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc đã ban hành quyết định số: 01/2024/QĐST-VDS tuyên bố bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1973. Nơi cư trú cuối cùng: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk mất tích.

Nay nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi làm đơn này đề nghị Tòa án không công nhận vợ chồng giữa tôi và bà Nguyễn Thị V.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống chúng tôi có 03 con chung là Dương Thị Thanh N, sinh năm 1992; Dương Tiến L, sinh năm 1996 và Dương Tiến N, sinh năm 2000. Các cháu đều đã trưởng thành, phát triển bình thường, có việc làm ổn định nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.***

**** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc:***

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án “Yêu cầu không công nhận vợ chồng”, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Về người tham gia tố tụng: Tòa án đã xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng.

Việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, việc cấp tổng đạt các giấy tờ cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Áp dụng khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình 2014; điểm b mục 3 Nghị Quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Đình C. Về hôn nhân: Không công nhận ông Dương Đình C và bà Nguyễn Thị V là vợ chồng; Về con chung; tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của ông Dương Đình C đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng với bà Nguyễn Thị V là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 27/3/2024, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc đã ban hành Quyết định số 01/2023/QĐST-VSD tuyên bố bị đơn bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1973. Nơi cư trú cuối cùng: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk mất tích. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã xác minh tại Công xã E, kết quả xác minh từ thời điểm Tòa án tuyên bố mất tích, bị đơn vẫn không trở về địa phương. Tòa án đã niêm yết các văn bản tố

tụng theo đúng quy định của pháp luật, tuy nhiên bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2. Do đó, HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 BLTTDS.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Dương Đình C và bà Nguyễn Thị V chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991, ông bà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Nay ông C có đơn yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với bà V, căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Dương Đình C và bà Nguyễn Thị V.

[2.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống, ông Dương Đình C và bà Nguyễn Thị V có 03 con chung là Dương Thị Thanh N, sinh năm 1992; Dương Tiến L, sinh năm 1996 và Dương Tiến N, sinh năm 2000. Các con chung của ông C và bà V đều đã trên 18 tuổi, phát triển bình thường, ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Dương Đình C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: Ông Dương Đình C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 7 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Đình C.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Dương Đình C và bà Nguyễn Thị V.

- Về con chung: Các con chung của ông Dương Đình C và bà Nguyễn Thị V là Dương Thị Thanh N, sinh năm 1992; Dương Tiến L, sinh năm 1996 và Dương Tiến N, sinh năm 2000 đều đã trên 18 tuổi, phát triển bình thường nên ông Dương Đình C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Dương Đình C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Ông Dương Đình C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0005822 ngày 11/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Pắc.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện Krông Pắc;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ Tọa phiên tòa

(đã ký)

Lưu Thị Ngọc Thủy